

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 108/2024/DS-PT  
Ngày 31-01-2024  
V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng  
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Ngọt

*Các Thẩm phán:*

Ông Lê Minh Đạt

Ông Nguyễn Hữu Lương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thiên Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 545/2023/TLPT-DS ngày 28/11/2023 về “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2023/DS-ST ngày 13/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 30/2024/QĐ-PT ngày 05/01/2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Võ Thị Xuân Diễm Mộng Hoàng Tuyết L, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số H, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Lê Thị Bích L1, sinh năm 2000. (có mặt).

Địa chỉ: Số D, khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (theo văn bản ủy quyền ngày 17/10/2023).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích H - Luật sư Văn phòng L6 thuộc Đoàn luật sư tỉnh B (có mặt).

**- Bị đơn:**

1. Bà Võ Thị Thanh T, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Võ Thị C, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Võ Văn T1, sinh năm 1947;
2. Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1954;
3. Ông Võ Văn T2, sinh năm 1969;
4. Ông Võ Văn S; sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Nhật N, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số B, khu phố F, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn bà Võ Thị C:* Ông Nguyễn Hữu D - Văn phòng Luật sư Nguyễn Hữu D thuộc đoàn luật sư tỉnh B (có mặt).

*Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Võ Thị Xuân Diễm Mộng Hoàng Tuyết L.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

### **Theo bản án sơ thẩm**

*Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Xuân D1 Mộng Hoàng Tuyết Lan trình bày:*

Vào ngày 01/8/2003, bà có nhận chuyển nhượng phần đất của cô bà là Võ Thị C1 (Chỉ) chết không chồng con diện tích 850 m<sup>2</sup> thuộc thửa 1097, tờ số 02 (nay là thửa 127, tờ số 09, diện tích là 963,6 m<sup>2</sup>) tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre với giá là 40.000.000 đồng, khi mua có làm giấy tay chuyển nhượng có sự chứng kiến của ông Lê Văn L2, Phạm Văn T3, Võ Văn L3. Sau khi ký giấy chuyển nhượng bà đã giao đủ tiền cho bà C2 (C1) và vào quản lý, sử dụng từ đó cho đến nay không xảy ra tranh chấp không có ý kiến phản đối gì.

Phần đất này có nguồn gốc ông bà để lại cho bà C1 (Chỉ) nhưng em bà C1 (Chỉ) là ông Võ Văn M (chết) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, ông M có các người con gồm Võ Văn T1, Võ Văn Đ, Võ Văn T2, Võ Văn S, Võ Thị C, Võ Thị Thanh T, ông M và các người con cũng đã thừa nhận phần đất này là của bà C1 (Chỉ).

Sau khi bà C1 (Chỉ) chết thì bà có đến yêu cầu gia đình ông M thực hiện thủ tục tách thửa phần đất bà mua của bà C1 (Chỉ) thì các con ông M là bà Võ Thị Thanh T, Võ Thị C ngăn cản, không đồng ý sang tên cho bà, bà T và bà C cho rằng khi bà mua không thông qua ý kiến của gia đình bà T, bà C nên không đồng ý làm thủ tục chuyển nhượng cho bà mặc dù nhiều lần bà yêu cầu, bà nộp đơn yêu cầu UBND xã T xem xét giải quyết nhưng không thành.

Nhận thấy việc bà T, bà C ngăn cản không đồng ý làm thủ tục chuyển nhượng phần đất bà mua của bà C1 (Chỉ) là không phù hợp làm ảnh hưởng đến

quyền và lợi ích hợp pháp của bà, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 01/8/2003 giữa bà với bà Võ Thị C1 (Chỉ) đối với thửa số 127, tờ số 09, diện tích 963,6 m<sup>2</sup> tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Buộc bà Võ Thị Thanh T, Võ Thị C và các người con của ông Võ Văn M tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Nhật N trình bày:*

Qua yêu cầu của nguyên đơn thì bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý, bởi lẽ: Nếu thực sự bà C1 (Chỉ) có chuyển nhượng thửa đất số 127, tờ số 09 cho bà L thì lỗi trong vụ kiện này thuộc về bà L. Vì khi bà L bỏ tiền ra mua thì bà L phải xem thửa đất mình mua có sổ đỏ chưa, sổ đỏ mang tên đúng người bán cho mình không trong khi chủ quyền đất là của ông Võ Văn M, bà L bỏ tiền ra mua của bà C1, thì lỗi này thuộc về bà L tự gánh chịu. Bà L cho rằng từ ngày mua đất bà quản lý sử dụng là không đúng vì đất này gia đình bà T, bà C đang quản lý sử dụng, nhưng do bà C1 (Chỉ) là chị ruột của ông M cho ở nhờ, bà C1 tự ý bán cho bà L lúc nào gia đình ông M không hay biết. Đến ngày 14/9 2003 ông M chết đến ngày 23/3/2005 bà C1 (Chỉ) chết thì bà L mới làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương xã T giải quyết nhưng không thành. Như vậy trong vụ kiện này ai ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà L thì người đó chịu trách nhiệm.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2023/DS-ST ngày 13/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành quyết định:

*Áp dụng Điều 73 luật Đất đai năm 1993 và Điều 166 Luật Đất đai năm 2013.*

*Thông tư số: 1471/1999/TT-TCĐC ngày 18/9/1999, Nghị Định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính Phủ. Điều 8, 10 Thông tư số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:*

#### ***Tuyên xử:***

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 01/8/2003 giữa bà Võ Thị Xuân Diễm Mộng Hoàng Tuyết L và bà Võ Thị C3 (Chỉ) đối với thửa đất số: 127, tờ số 9, diện tích 963,6m<sup>2</sup>. Đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện Về việc yêu cầu các con của ông Võ Văn M tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Võ Thị Xuân Diễm Mộng Hoàng Tuyết L và bà Võ Thị C3 (Chỉ).

*Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.*

Ngày 25/9/2023, nguyên đơn bà Võ Thị Xuân Diễm Mộng Hoàng Tuyết L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của bà về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 01/08/2003 giữa bà và bà Võ Thị C3 (Chữ); buộc các con của ông Võ Văn M tiếp tục thực hiện hợp đồng nêu trên.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, Luật sư Nguyễn Thị Bích H trình bày:*

Bà Võ Thị C3 (Chữ) được cha mẹ cho thừa đất 1097, tờ bản đồ số 02, do bà C3 không chồng con nên để cho em ruột là Võ Văn M đứng tên giùm, ông M đứng tên thừa đất 1097. Nguyên đơn đồng ý việc ông M có đứng tên thừa đất 1097; về mặt pháp lý bà C3 chưa đứng tên quyền sử dụng đất.

Căn cứ theo giấy xác nhận ngày 01/01/2004 của các con ông M là ông T1, bà C, bà T, cháu ông M là ông L4, chính quyền ấp P II xác nhận phần đất tranh chấp là phần đất của bà C3 (C1). Khi mua bán có mời gia đình ông M đến nhưng phía ông M không đến do ông M bị bệnh. Bà L sử dụng đất từ năm 2003 mặc dù về hình thức hợp đồng chuyển nhượng chưa thực hiện theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà L. Buộc bà T, bà C và các con của ông M tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng giữa bà L và bà C3 đề ngày 01/08/2003. Trường hợp không buộc tiếp tục thực hiện hợp đồng thì yêu cầu bà T, bà C và các con của ông M trả giá trị đất tính theo giá của hội đồng định giá.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Võ Thị C là luật sư Nguyễn Hữu D trình bày:*

Chứng cứ phía nguyên đơn đưa ra là không có căn cứ pháp lý. Bởi lẽ, thừa đất 1097 của ông M đứng tên năm 1991 nhưng năm 2003 bà C3 sang nhượng cho bà L thừa đất 1097 do ông M đứng tên, việc chuyển nhượng là không hợp pháp. Bên nguyên đơn bà L chỉ cho rằng một số người con của ông M thừa nhận đất của bà C3. Bà L cho rằng bà C3 để cho ông M đứng tên giùm thừa 1097 là không có căn cứ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông M đứng tên. Xác nhận của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thì các thửa đất do ông M đứng tên trong đó có thửa 1097 đều không có biến động.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tuyên xử theo hướng: không chấp nhận kháng cáo của bà L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2023/DS-ST ngày 13/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của bà Võ Thị Xuân Diễm Mộng Hoàng Tuyết L; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Về tố tụng: Nguyên đơn bà Võ Thị Xuân Diễm Mộng Hoàng Tuyết L kháng cáo và gửi thủ tục kháng cáo hợp lệ trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Nguồn gốc phần đất tranh chấp: Thửa số 127, tờ số 9, diện tích 963,6 m<sup>2</sup> có nguồn gốc là của ông bà để lại. Bà L cho rằng phần đất này là của bà Võ Thị C3 (Chữ) được thừa kế của ông bà. Vào ngày 01/8/2003 do bà Võ Thị C3 (C1) già yếu bệnh không tiền để lo thuốc nên giữa bà L với bà C3 (C1) có lập giấy chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất nêu trên với số tiền là 40.000.000 đồng, việc chuyển nhượng có xác nhận của ông Lê Văn L2 (Trưởng ấp), ông Phan Văn T4 (Bí thư chi bộ) và ông Võ Văn L3 (bà con với ông M, bà C3) ký tên xác nhận. Năm 2005, bà Võ Thị C3 chết, bà L có yêu cầu bà Võ Thị Thanh T và bà Võ Thị C cùng các người con của ông Võ Văn M làm thủ tục tách thửa để bà L đứng tên nhưng bà C, bà T và các người con của ông M không chấp nhận nên bà L khởi kiện bà T, bà C. Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L. Do không đồng ý Bản án sơ thẩm nên bà L kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo của bà L: Nhận thấy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà C3 (Chữ) được lập giấy tay ghi ngày 01/8/2003 chuyển nhượng phần đất diện tích 850m<sup>2</sup> cho bà Võ Thị Xuân D1 Mộng Hoàng Tuyết Lan. Theo quy định tại khoản 3 Điều 73 Luật đất đai năm 1993, Thông tư số 1471/1999/TT-TCĐC ngày 18/9/1999. Điều 8 Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 thì việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thời điểm này phải tuân theo quy định về trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 10 Nghị định 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999, cụ thể các bên phải lập hợp đồng chuyển nhượng theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999. Do đó giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà C3 (Chữ) và bà L chưa được đảm bảo đúng hình thức theo quy định.

[3] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm thì bà L cho rằng mới chỉ ký giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đến thời điểm hiện tại bà L vẫn chưa thực hiện các thủ tục để hoàn tất hồ sơ chuyển nhượng. Bà L cho rằng

phần đất bà nhận chuyển nhượng là của bà Võ Thị C3 (Chữ) nhờ em ruột bà C3 (C) là ông Võ Văn M đứng tên giùm, tuy nhiên bà L không có chứng cứ chứng minh và không được phía bị đơn và các người con của ông M thừa nhận.

[4] Theo Công văn số 1081/CNCT-TTTLT ngày 23/8/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai cung cấp thì hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 255, 366, 1083, 1086, 1087, 1097 tờ số 2 tọa lạc tại xã T cấp ngày 15/11/1991 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre. Từ ngày 15/11/1991 Chi nhánh Văn phòng Đ1 không tìm thấy hồ sơ biến động với thửa đất 1097, tờ số 2.

Tại công văn số: 403 ngày 24/8/2023 của Ủy ban nhân dân xã T phần đất hiện bà L đang tranh chấp thuộc thửa số 127, tờ 9 diện tích 963,6 m<sup>2</sup> (thửa củ 1097, tờ số 2) trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ mục kê đứng tên ông Võ Văn M, giữa ông M và bà C3 (Chữ) Ủy ban không có lưu giữ văn bản nào liên quan tới phần đất đang tranh chấp.

Tại các biên bản làm việc của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đối với các ông Phan Văn T4, Võ Văn L3, Lê Văn L5 các ông đều thừa nhận có ký tên trong giấy chuyển nhượng lập ngày 01/8/2003 giữa bà C3 (C1) với bà L, nhưng khi ký tên xác nhận các ông không nắm rõ phần đất bà C3 (C1) chuyển nhượng cho bà L thì ai là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5] Bà L thừa nhận thời điểm ký giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 01/8/2003 thì bà Võ Thị C3 (Chữ) không có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà L cho rằng bà C3 để cho ông M đứng tên giùm cho bà C3 (C1) nhưng bà L không có chứng cứ chứng minh. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu những người con của ông Võ Văn M tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà L với bà C3 (C) là không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Bà L cho rằng sau khi mua đất bà vào quản lý, sử dụng và hưởng huê lợi cho đến năm 2020 thì bỏ trống do phát sinh tranh chấp, nội dung này không được phía bị đơn thừa nhận. Trên thực tế, phần đất tranh chấp này nằm chung với phần đất của ông M, sau khi ông M chết các con của ông M vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng.

[7] Nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ. Bà L kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh tại phiên tòa phúc thẩm nên kháng cáo của bà L không có cơ sở để chấp nhận.

[8] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Võ Thị Xuân D1 Mộng Hoàng Tuyết Lan là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[9] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Võ Thị C là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị Xuân Diễm Mộng Hoàng Tuyết L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 88/2023/DS-ST ngày 13/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Võ Thị Xuân D1 Mộng Hoàng Tuyết Lan phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị Xuân Diễm Mộng Hoàng Tuyết L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2023/DS-ST ngày 13/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 73 Luật đất đai năm 1993 và Điều 166 Luật đất đai năm 2013.

Áp dụng Thông tư số 1471/1999/TT-TCĐC ngày 18/9/1999. Điều 8, 10 Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

#### *Tuyên xử:*

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 01/8/2003 giữa bà Võ Thị Xuân Diễm Mộng Hoàng Tuyết L và bà Võ Thị C3 (Chữ) đối với thửa đất số: 127, tờ số 9, diện tích 963,6m<sup>2</sup>. Đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu các con của ông Võ Văn M tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Võ Thị Xuân Diễm Mộng Hoàng Tuyết L và bà Võ Thị C3 (Chữ).

3. Chi phí tố tụng: Bà Võ Thị Xuân Diễm Mộng Hoàng Tuyết L phải chịu 1.100.000 (Một triệu một trăm nghìn) đồng, bà L đã nộp xong.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Xuân Diễm Mộng Hoàng Tuyết L phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010627 ngày 24/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị Xuân Diễm Mộng Hoàng Tuyết L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp

là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000704 ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Bà L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Ngọt**